

Đôi điều cảm nhận về những nét tương đồng và dị biệt trong văn hóa Việt Nam và Nhật Bản

Trần Thị Hoa¹

Tóm tắt

Về đặc điểm chung: Việt Nam và Nhật Bản là hai quốc gia châu Á (Nhật Bản nằm ở Đông Bắc Á, Việt Nam ở Đông Nam Á). Trong quá khứ đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Nho giáo và Phật giáo từ Trung Quốc, vào thời cận đại cũng tiếp thu văn hóa Cơ Đốc giáo từ phương Tây. Cả hai nước đều có tín ngưỡng bản địa riêng của mình (Nhật Bản thờ Thần Đạo Shinto, Việt Nam có tín ngưỡng thờ Mẫu).

Điểm khác biệt: Cùng có văn hóa ẩm thực trà, nhưng Việt Nam coi việc uống trà là một sinh hoạt rất đời thường trong cuộc sống, thậm chí với một số ít uống trà là một thú tiêu khiển tao nhã. Còn đối với người Nhật uống trà đã được nâng lên thành một triết lý sống - Trà đạo, có quy củ, có phép tắc và nghi thức rõ ràng. Điều này thể hiện phong cách sống tỉ mỉ, chu đáo, cầu kỳ, nâng tâm hồn lên hòa hợp với thiên nhiên.

Người Nhật coi trọng chữ tín. Người Việt xem trọng chữ tâm.

Từ khóa: văn hóa Việt, văn hóa Nhật, tương đồng, dị biệt.

Lâu nay, Nhật Bản thường được biết đến với cái tên: xứ sở mặt trời mọc hay xứ sở hoa anh đào. Đất nước này là một quần đảo hình cánh cung nằm ở sườn đông của đại lục châu Âu và châu Á, về hướng tây bắc Thái Bình Dương, bao gồm bốn hòn đảo chính: Hokkaido, Honshu, Shikoku và Kyushu, cùng với nhóm đảo Ryukyu (Okinawa) và nhiều hòn đảo nhỏ khác. Với nền văn hóa đa màu sắc, truyền thống và hiện đại đan xen nhau.

Việc xem xét, tìm hiểu những nét tương đồng và dị biệt của nền văn hóa giữa hai nước trong bối cảnh quan hệ song phương trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học,... thiết tưởng cũng là điều cần thiết và bổ ích.

¹ TS, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Nhật Bản được xem là một quốc gia có tính đồng nhất về sắc dân và văn hóa. Người nước ngoài đông nhất ở Nhật Bản là người Triều Tiên, nhưng nhóm người này được sinh ra tại Nhật và nói tiếng Nhật không khác gì người Nhật cả. Người ngoại quốc đông thứ hai là người Trung Hoa rồi về sau còn có một số dân lao động gồm người Philippines và người Thái. Người dân không có nguồn gốc Nhật chỉ chiếm hơn 1% tổng dân số tính đến năm 1993.

Văn hóa Nhật Bản là một trong những nền văn hóa đặc sắc nhất thế giới, chịu ảnh hưởng cả từ văn hóa châu Á, châu Âu và Bắc Mỹ. Trong quá khứ, văn hóa Nhật cũng chịu ảnh hưởng nhiều của Nho giáo từ Trung Quốc (khoảng vào thế kỷ thứ V, hoặc sớm hơn) nhưng sự phổ biến này phần lớn nằm trong một bộ phận nhất định của giới thượng lưu, do phương thức học tập dựa trên sự truyền thụ cá nhân nên việc học chỉ phổ biến cho hoàng gia và một số người trong triều đình, thứ nữa là do Nho giáo đương thời chú trọng đến cái học huân hũ, nên nó chỉ phù hợp với người có học vấn cao. Chỉ sau khi cải cách vào thời Đại Hóa (Đại Hóa cải tân, năm 646), Nhật Bản mô phỏng theo chế độ luật lệnh của nhà Tùy, Đường thì Nho giáo chiếm vị trí quan trọng hơn và trở thành tư tưởng chính trị quốc gia, là kiến thức bắt buộc đối với những người tham chính. Nhật Bản vào thời Nara và Heian) cả ba tư tưởng Nho, Phật và Thần đạo đều cùng tồn tại, trong đó Phật giáo được coi như Quốc giáo. Nho giáo vẫn được sử dụng, nhưng ở phạm vi hẹp, chỉ trong tầng lớp quý tộc và tầng sĩ. Những kinh sách Nho giáo được lưu truyền trong hệ thống giáo dục Nhật Bản lúc bấy giờ gồm: *Chu dịch*, *Thượng thư*, *Lễ ký*, *Chu lễ*, *Nghi lễ*, *Kinh Thi*, *Tả truyện*,... chế độ khoa cử Nho giáo như nhà Tùy, Đường bên Trung Quốc đã không được du nhập vào Nhật Bản, nên Nho giáo không phát triển được và nó có khuynh hướng ngã sang “Văn chương đạo” một ngành học thuật thuần túy, để rồi từ đó suy thoái dần. *Nho giáo ở thời kỳ này được xem là sơ kỳ trung đại... và phải đến thời hậu kỳ Trung đại (Thời Edo, thế kỷ XVII - 1868)* Nho giáo đã thay chỗ cho Phật giáo trong đời sống, đây Phật giáo xuống vị trí khiêm tốn hơn. Chu Tử học phái được Mạc phủ khuyến khích và trở thành học phái Nho giáo chính thống của nhà nước gọi là “Quan Nho phái”. Vậy là từ sau thế kỷ XV, Việt Nam, Nhật Bản (và Triều Tiên) đều đồng loạt chuyển sang mô hình văn hóa Nho giáo.

1. Văn hóa giao tiếp

Trong giao tiếp, người Nhật thường cúi chào bằng cách gập người xuống và độ hạ thấp tùy thuộc địa vị xã hội của cả hai người. Đây là biểu hiện sự kính trọng. Mỗi lần giới thiệu hay gặp mặt đều cần tới tám danh thiếp và việc nhận tám danh thiếp bằng hai tay là một cử chỉ lễ độ. Tám danh thiếp được in rõ ràng và không được viết tay trên đó. Trong việc giao thiệp, người Nhật thường không thích sự đường đột, trực tiếp và việc qua trung gian đóng một vai trò quan trọng. Một đặc điểm nữa trong giao tiếp là người Nhật rất hay dùng từ “cám ơn” và “xin lỗi”, trong trường hợp bị kẹt xe, trễ giờ chẳng hạn và không biện minh hay giải thích gì thêm, sau này, khi có điều kiện sẽ nhờ một bên thứ ba làm trung gian để bày tỏ, giải thích. Nét tính cách này nói lên người Nhật rất coi trọng hòa khí, muốn cho mọi sự đều yên ổn, tốt đẹp cả.

Còn người Việt, về đặc điểm, tính cách: vừa thích giao tiếp nhưng cũng lại rất rụt rè, do xuất phát từ nền nông nghiệp lúa nước, mọi người sống phải phụ thuộc vào nhau nên phải giữ cho cân bằng những quan hệ với nhau trong cộng đồng. Tính cộng đồng là nguyên nhân khiến người Việt đặc biệt coi trọng giao tiếp: “Dao nãng liếc thì sắc, người nãng chào thì quen”. Cũng vì thích giao tiếp, thích làm quen nên người Việt rất hiếu khách: “Khách đến nhà không gà thì gói”.

Cũng do tính cộng đồng, nên trong giao tiếp, người Việt rất coi trọng danh dự (tốt danh hơn lành áo) vì đặc điểm này mà người Việt thường có tính sĩ diện và vì sĩ diện mà khiến người ta phải sống và hành động nhiều khi là giả dối. Cũng cùng một tình huống kẹt xe, trễ giờ chẳng hạn, thì người Việt thường nêu lý do, giải thích biện minh,... (tại vì, bởi vì, do,...) trước đã, sau đó mới xin lỗi. Có phải người Việt coi trọng danh không?

2. Những phong tục và tập quán

Thời xưa, Nhật Bản theo chế độ mẫu hệ, người phụ nữ có vai trò lớn hơn nam giới. Dù rằng tinh thần giải phóng phụ nữ đã được du nhập vào Nhật Bản từ cuối thế kỷ XIX nhưng hiện nay trong đời sống cộng đồng, người phụ nữ vẫn ở vị thế thấp hơn nam giới và bên ngoài xã hội, nam giới vẫn giữ vai trò lớn hơn một chút. Căn bản, nữ giới

vẫn là người của “bên trong” (*uchi no*) và nam giới vẫn là người của “bên ngoài” (*soto no*). Phạm vi của người phụ nữ là gia đình và các công việc nội trợ, trong khi người chồng là người làm lụng và đưa hết tiền lương về cho người vợ là chính.

Trong dân gian, người Việt có câu: “Nhất vợ nhì trời” hay như “Ruộng sâu trâu nái không bằng con gái đầu lòng”,... để nói lên vị thế và vai trò của người phụ nữ trong gia đình và điều này đã đi vào tâm thức của các ông chồng Việt như một sự ghi nhận có giá trị văn hóa truyền thống dân tộc. Không phải chỉ trước đây mà ngay cả bây giờ, sự ghi nhận có tính chất tổng kết đó vẫn còn giá trị lưu truyền. Ngoài ra, người Việt cũng rất coi trọng mối quan hệ dòng họ.

3. Tư tưởng và tôn giáo

Thờ cúng các sự vật, hiện tượng thiên nhiên như núi, sông, biển, mặt trời, mưa, dông, bão,... được coi như đáng có năng lực linh thiêng, cũng như luôn tưởng nhớ vinh danh các vị anh hùng và tổ tiên để mong được sự phù hộ, chở che trong cuộc sống hiện tại được xem là một tôn giáo đa thần, có nguồn gốc từ những tín ngưỡng thời cổ xưa ở Nhật Bản - Thần đạo Shinto.

Nhật Bản cũng là một quốc gia Phật giáo với hơn 85% dân số theo đạo Phật. Trong suốt chiều dài lịch sử phát triển ở Nhật Bản, Phật giáo không chỉ đơn thuần là một tôn giáo mà còn góp phần đáng kể vào việc làm giàu nền nghệ thuật và vốn tri thức của Nhật Bản. Ngoài Thần đạo và Phật giáo ra, Nho giáo, du nhập vào Nhật Bản khoảng thế kỷ thứ VI cũng góp phần rất lớn vào việc tạo ra cái gọi là tư tưởng Nhật Bản. Tương tự như ở Việt Nam và Triều Tiên, Nho giáo đã giúp Nhật Bản tạo ra thiết chế chính trị chặt chẽ và tạo ra một xã hội có đẳng cấp trên dưới. Cơ Đốc giáo, một tôn giáo được truyền vào Nhật Bản từ nửa cuối thế kỷ XVI và được phát triển đến đầu thế kỷ XVII. Tôn giáo này đã tạo ra một luồng gió mới thổi vào xã hội phong kiến Nhật Bản. Nó đã đóng góp một phần rất lớn vào việc tạo nên một nước Nhật Bản cường thịnh như hiện nay. Đặc điểm lớn nhất, cơ bản nhất của tôn giáo ở Nhật là sự uyển chuyển linh hoạt, được Nhật Bản hóa để cho phù hợp với điều kiện đặc biệt và văn hóa của đất nước mình.

Ở Việt Nam có tín ngưỡng thờ Mẫu, là một tín ngưỡng bản địa lâu đời, có trước khi du nhập đạo Phật, về sau này có ảnh hưởng ngoại lai từ Đạo giáo, Phật giáo, v.v. Cũng giống như ở Nhật thờ Thần đạo (Shinto). Thờ Mẫu ở nước ta đã phát triển hình thành tín ngưỡng Tam phủ (Thiên phủ, Nhạc phủ, Thoải phủ), Tứ phủ (ba phủ trên có thêm Địa phủ nữa) theo GS.TSKH Ngô Đức Thịnh, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Văn hóa Dân gian cho biết, tín ngưỡng thờ Mẫu có bốn vấn đề gắn với cộng đồng:

- Một là, tín ngưỡng thờ Mẫu coi tự nhiên là một người mẹ và tôn thờ.

- Hai là, mang cho con người sống ở trên đời này ba điều: Phúc - Lộc - Thọ. Đó là những ước muốn vĩnh hằng của con người.

- Ba là, thể hiện đậm nét chủ nghĩa yêu nước đã được tâm linh hóa, tín ngưỡng hóa. Điều này thể hiện rất rõ qua việc hầu hết khoảng 50 vị thần mà tín ngưỡng thờ Mẫu tôn thờ là những nhân vật lịch sử có công với dân tộc hay đã được dân tộc lịch sử hóa, ví dụ như Đức Thánh Trần trong tín ngưỡng thờ Mẫu chính là Trần Hưng Đạo.

- Bốn là, tín ngưỡng thờ Mẫu là một tín ngưỡng đa văn hóa. Đây là một ý nghĩa duy nhất chỉ có ở tín ngưỡng của Việt Nam.

Về hệ tư tưởng của người Việt (những nhận thức và đối phó với môi trường, xã hội, những cư xử giữa người với người, người với thiên nhiên, những quan hệ về tâm linh, v.v.) chịu ảnh hưởng một phần từ triết lý Nho giáo, âm dương ngũ hành. Các tôn giáo như Phật giáo, Cơ Đốc giáo,... khi vào Việt Nam cũng đã được Việt Nam hóa cho phù hợp với văn hóa, phong tục người Việt.

4. Trang phục truyền thống

Đối với người Nhật, Kimono là một trong những niềm tự hào và là một trong những biểu tượng của đất nước mặt trời mọc. Về cơ bản, Kimono là một chiếc áo choàng được giữ cố định bằng một vành khăn rộng cố định vào người cùng với một số dây đai và dây buộc. Trang phục Kimono cũng đã từng được thay đổi cho phù hợp cho đến ngày nay. Cụ thể vào thời trị vì của vua Edo (1603-1868) khi ống tay áo được may gọn lại và sự ra đời của obi (một khăn rộng thắt ngang

bụng), nhằm làm cho trang phục phù hợp hơn với các hoạt động thường ngày của người phụ nữ Nhật. Kể từ đó, kiểu dáng của Kimono có thay đổi chút ít. Ngày nay, đa số các phụ nữ Nhật xem quần tây và áo sơ mi là thường phục thì Kimono vẫn được mặc trong các dịp nghi lễ, cưới xin, tang ma, tiệc mừng năm mới và một số ngày lễ khác.

Từ xưa, người Việt đã có nghề trồng dâu, nuôi tằm dệt vải, nên người Việt có câu: “Ăn lấy chắc, mặc lấy bền”, “Com ba bát, áo ba manh, đói không xanh, rét không chết”. Trang phục lại được chia ra: đồ mặc phía trên, đồ mặc phía dưới, đồ đội đầu, đồ đi chân,... rồi thì trang phục lễ hội, trang phục lao động và theo giới tính. Chẳng hạn như phụ nữ thì mặc váy, trên thì mặc yếm. Nên có câu: “Váy vận yếm mang”. Còn ở đàn ông thì đóng khố, sau này là quần lá tọa.

Trang phục cũng thay đổi qua các triều đại lịch sử, đến đời nhà Nguyễn (thế kỷ XIX) thì trang phục áo dài tương đối phổ biến. Phụ nữ có áo tứ thân và năm thân. Còn vào dịp lễ hội thì phụ nữ hay mặc lối mớ ba mớ bảy (tức là mặc nhiều áo cánh lồng vào nhau). Chiếc áo dài truyền thống đã được cải biên nhiều, đẹp hơn, duyên dáng hơn thành tân thời cho tới ngày nay.

5. Phong tục lễ tết

Người Nhật chào đón vị thần Toshigamisama đến thăm nhà vào dịp năm mới là dịp lễ quan trọng nhất trong năm. Trước khi Tết đến, mọi nhà đều trang trí cây Tùng (kadomatsu) trước cửa. Tương truyền rằng, vị thần Toshigamis-ama sẽ hạ giới và trú ẩn trong cây Tùng này. Ngoài ra, trên khung cửa của không ít gia đình Nhật còn trang trí các vật phẩm như đồ đan bằng lá màu trắng, quả quýt, thùng bện bằng cỏ, dải giấy trắng,... Tùng tượng trưng cho trẻ mãi không già; quả quýt màu da cam, có âm đọc giống như “đời đời” trong tiếng Nhật, tượng trưng cho muôn đời thịnh vượng; thùng bện bằng cỏ được treo ở điện thờ hoặc nơi thờ cúng, kính dâng lên thần linh cầu tài lộc; lá cây màu trắng nói lên sự trinh bạch không tì vết; còn dải giấy trắng mang ý nghĩa tẩy sạch vết nhơ và xua đuổi tà ma. Ngoài ra, người Nhật thường lấy tằm hùm làm đồ trang sức vì nó có hình dạng giống như cụ già khom lưng, ví với cảnh giàu sang phú quý, cả nhà trường thọ. Trong khi đó, các bà mẹ cũng chuẩn bị những món ăn ngày Tết như

làm bánh Tết và nấu món ăn tổng hợp. Bánh Tết tượng trưng cho sự may mắn, được làm vào ngày 28 hoặc 30 Tết. Làm bánh trong ngày 29 bị cho rằng ắt phải ăn bánh khô, nghĩa là quanh năm phải nếm trải khổ đau. Món ăn quan trọng nhất của năm mới là “món Tết” và “đồ nấu tổng hợp”. Món Tết thực chất là món ăn ngọt, làm bằng các nguyên liệu thông thường như rễ cây ngưu bàng, trứng cá, cá sardin khô, táo ăn, khoai lang, hạt dẻ,... Người Nhật dùng những món ăn đơn giản nhưng giàu ý nghĩa tượng trưng này để ăn Tết là xuất phát từ tâm lý cầu ước vạn sự tốt lành. Bánh Tết thập cẩm và món ragu khoai sọ, cà rốt, rau xanh nấu lẫn trong một nồi càng giàu ý nghĩa tượng trưng hơn. Đây là những đồ cúng, đồng thời cũng là món ăn dành cho nhiều người, để nhiều người được hưởng lộc thần linh và niềm sung sướng. Những lát cà rốt tượng trưng cho mối quan hệ gắn bó hòa thuận của mọi thành viên trong gia đình. Còn những củ khoai sọ tượng trưng cho sức mạnh tẩy trừ tà khí. Xuất hành đầu năm, đi lễ chùa, cầu may cho cả năm cũng là một công việc trọng đại của người Nhật, tiếng Nhật gọi là (Hatsumoude). Mỗi năm sẽ có một hướng tốt khác nhau gọi là (ehou) nên mỗi năm người ta chỉ đi đền chùa ở hướng tốt của năm đó thôi. Tặng nhau thiệp mừng năm mới cũng là nét đặc sắc trong phong tục đón mừng năm mới của người Nhật. Nhật Bản là nước phát hành thiệp chúc mừng năm mới nhiều nhất trên thế giới. Phương pháp đưa thiệp mừng của bưu điện Nhật rất đặc biệt. Trước hết, họ tập trung toàn bộ các thiệp chúc mừng năm mới rồi đem gửi đến nhà người nhận vào đúng ngày mùng 1 Tết. Ngày này, mọi người ngồi ngắm những tấm thiệp chúc Tết muôn hình muôn vẻ từ mọi nơi gửi đến, ôn lại quá khứ, chờ đón tương lai. Đây quả thực là sự hưởng thụ đặc biệt.

Các lễ hội khác trong năm như: Lễ hội (Matsuri) bắt nguồn từ những tín ngưỡng Thần đạo, Lễ hội búp bê (Hina matsuri). Các gia đình có con gái bày một bộ búp bê Hina (gồm có búp bê hình Thiên hoàng, Hoàng hậu, những người hầu và nhạc công trong bộ trang phục cung đình cổ xưa), tổ chức ăn bánh hishimochi và uống rượu shirosake (sake trắng) để mừng ngày hội. Ngày trẻ em (Kodomo no Hi) diễn ra vào mùng 5 tháng năm. Ngày xưa gọi là tết Đoan Ngọ và trở thành ngày nghỉ toàn quốc ở Nhật Bản từ năm 1948. Mặc dù gọi là

ngày trẻ em nhưng thực ra đó là ngày lễ dành cho các bé trai. Các gia đình có con trai thường treo trên nóc nhà mình những dải cờ hình cá chép tượng trưng cho sức mạnh và trong nhà bày búp bê hình võ sĩ và áo giáp.

Lễ Vu Lan (hay còn gọi là Lễ xá tội vong nhân) vào dịp rằm tháng bảy âm lịch hằng năm là một nét văn hóa truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam. Ở Nhật cũng có một lễ hội mang ý nghĩa tương tự, thường gọi là Obon diễn ra vào tháng 8 dương lịch.

Đối với người Việt, Lễ Tết được xem là “Tổng cự nghinh tân” tiễn năm cũ, đón năm mới. Cuối năm quét dọn sạch sẽ nhà cửa, sân ngõ, dọn dẹp bàn thờ, lau chùi bàn ghế, ẩm chén, vứt bỏ những thứ rác rưởi, Theo quan niệm truyền thống, “23 tháng Chạp dựng cây nêu, mừng 7 tháng Giêng hạ nêu tiễn ông bà về trời”. Tuy nhiên, hiện nay tục trồng cây nêu ngày Tết đã dần mai một, thay vào đó là chơi cảnh đào, mai, quất cảnh. Cây nêu là một hình ảnh mang tính chất biểu tượng, thường được trồng ngay trước sân nhà mỗi dịp Tết Nguyên đán. Trên ngọn cây có treo nhiều vật dụng mang ý nghĩa tâm linh xua đuổi ma quỷ và cầu mong một năm mới tốt lành. Nhiều gia đình nhắc nhở, dặn dò con cháu từ phút giao thừa trở đi không quấy khóc, không nghịch ngợm, cãi cọ nhau, không nói tục chửi bậy, không vứt rác, viết vẽ bừa bãi. Cha mẹ, anh chị cũng không quở mắng, tra phạt con em, đối với ai cũng tay bắt mặt mừng, vui vẻ niềm nở dầu lạ dầu quen. Chuẩn bị gói bánh chưng, bánh tét, muối dưa hành, dưa kiệu, làm mứt. Sắp đặt bàn thờ ngày Tết cúng Ông bà tổ tiên, cúng Táo quân Cúng Giao thừa (hay còn gọi là lễ Trừ Tịch).

Văn hóa hai nước Việt Nam - Nhật Bản như đã nói ở trên, có chung một đặc điểm đó là hai nước đều chịu ảnh hưởng của nền văn minh Trung Hoa từ những thế kỷ trước, nên có không ít những nét tương đồng, cùng chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa nhưng không có nghĩa là không có sự khác biệt, điều đó được thể hiện qua cách thức tiếp nhận, ứng xử văn hóa của mỗi quốc gia, dung hòa giữa cái cũ và cái mới để tạo ra nét đặc trưng của mỗi nước, bởi do hoàn cảnh lịch sử, môi trường địa lý và văn hóa bản địa nữa. Trong khi Việt Nam là một bán đảo với diện tích tự nhiên hơn 330.000km² và hơn 3.000km bờ biển. Còn Nhật Bản là một quần đảo với 3.600 hòn đảo

lớn nhỏ, xung quanh có 4 hòn đảo lớn với tổng diện tích: 377.000km² và 29.000km bờ biển. Với diện tích phần lớn toàn là đồi núi, dẫn đến việc không có đất cư trú, trồng trọt nhưng được bù lại bởi hệ thống cảng biển dày đặc, khí hậu cũng có nhiều khác biệt và đối lập nhau. Có vùng lạnh quanh năm được bao phủ bởi băng tuyết (Hokkaido), có vùng ấm như Đông Nam Á (Okinawa và các đảo cực Nam), luôn có bốn mùa rõ rệt. Khí hậu không tốt cho phát triển nông nghiệp nên giá các sản phẩm nông nghiệp ở Nhật rất đắt. Ngoài ra, Nhật Bản còn phải hứng chịu nhiều thiên tai như núi lửa, sóng thần, động đất,... Do địa hình toàn là đồi núi dẫn đến sự chia cắt thành nhiều vùng, nhiều địa phương, văn hóa cũng theo đó mà tạo ra sự khác biệt giữa các vùng với nhau. Nhật Bản là đất nước nằm giữa biển, với vị trí tương đối khó được tiếp cận, nên Nhật thường chủ động du nhập các văn minh từ bên ngoài vào, luôn muốn tìm tòi học hỏi cái hay của người khác.

Còn Việt Nam là đất nước có nhiều dân tộc khác nhau cùng chung sống, người dân can đảm, linh hoạt, mềm dẻo, dễ thích ứng, giỏi xử lý tình huống,... chinh phục thiên nhiên, bất khuất chống giặc ngoại xâm, có ý thức độc lập tự chủ cao,...

Điểm khác biệt lớn nhất trong văn hóa hai nước đó là phong cách ứng xử, một bên thì *mềm mỏng, linh hoạt, dễ thích ứng, một bên coi trọng nguyên tắc, kỷ luật*. Với giá trị đạo đức thì *người Việt trọng hiếu, còn người Nhật trọng tín*.

Một ví dụ trong cách tiếp nhận văn hóa Trung Hoa như uống trà chẳng hạn. Đối với người Nhật được nâng lên thành một nghệ thuật: Trà đạo - chính là việc thưởng thức trà và tất cả những gì thuộc về trà đạo, gồm các thao tác như pha trà, mời trà và uống trà. Từ đó, uống trà trở thành một nghi lễ. Người Nhật gọi nghi lễ uống trà này là trà đạo, nó như là một “trường phái” của nghệ thuật ở xứ sở hoa anh đào. Còn hơn thế, nó là một triết lý sống nữa, liên quan tới nghệ thuật làm vườn, tạo hình, làm gốm. Khi ngồi thưởng trà, người Nhật nhất định phải mặc bộ Kimono mà không thể mặc trang phục hiện đại được và phải dùng những chén trà là gốm sứ của Nhật để không làm mất đi ý nghĩa của trà đạo. Tinh thần của trà đạo được biết đến qua bốn chữ “Hòa, Kính, Thanh, Tịch”. “Hòa” có nghĩa là sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên, sự hòa hợp giữa trà nhân với các dụng cụ pha trà. “Kính”

là lòng kính trọng, sự tôn kính đối với người khác, thể hiện sự tri ân cuộc sống. Khi lòng tôn kính với vạn vật đạt tới sự không phân biệt thì tâm lòng trở nên thanh thản, yên tĩnh, thể hiện sự thanh tịnh, đó chính là ý nghĩa của chữ “Thanh”. “Tịch” có nghĩa là sự vắng lặng, tĩnh lặng mang đến cho con người cảm giác yên tĩnh, vắng vẻ. Vì thế trà đạo từ khi ra đời cho đến nay vẫn có một sức sống lâu bền trong đời sống tinh thần của người dân Nhật. Nhờ có trà đạo, Nhật Bản đã giữ được những truyền thống văn hóa của dân tộc mình.

Còn ở Việt Nam, có thể nói trà có mặt trong mọi hoạt động của xã hội, từ trong gia đình ra ngoài phố, từ nhà hàng, quán chợ cho đến những nơi tiếp khách sang trọng. Từ tế lễ, cưới hỏi, sinh nhật, ma chay, cúng giỗ,... và cách mà người Việt uống trà cũng rất đa dạng không theo chuẩn mực nào, biểu hiện văn hóa ứng xử đầy tính sáng tạo của người pha và người được mời uống, mà ít chịu ảnh hưởng của người Trung Quốc. Người Việt không có trà đạo như Nhật Bản, nhưng không thể nói người Việt thưởng thức trà kém nghệ thuật hơn. Người xưa thưởng trà rất công phu, phải hứng từng giọt sương trên búp sen vào lúc chưa có ánh nắng, hoặc lấy nước mưa để pha trà, sẽ giúp cho nước trà tăng thêm vị ngọt, sau khi uống sẽ thấy vị ngọt lưu lại nơi cổ họng. Ngày nay, nhiều người cho rằng thưởng trà cho trọn vẹn phải đủ năm điều chuẩn mực: sắc - thanh - khí - vị - thần. Điều ấy cũng có chút ý nghĩa về tinh thần.

Với một vài cảm nhận như trên khi xem xét văn hóa giữa hai nước, chúng tôi hy vọng rằng, đôi điều này có thể góp phần nhỏ bé trong giao lưu, hợp tác cùng phát triển giữa hai nước. Khi mối quan hệ trên mọi phương diện, văn hóa, ngoại giao, du lịch, đầu tư phát triển kinh tế, du học,... đang diễn ra ngày một tốt đẹp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1951), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Bốn phương.
2. Đoàn Lê Giang (2009), *Nho giáo Nhật Bản và nho giáo Việt Nam*, http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article

&id=352:nho-giao-nht-bn-va-nho-giao-vit-nam&catid=72:hi-ngh-khoa-hc-han-nom&Itemid=146.

3. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB TP HCM.
4. *Trà đạo trong văn hóa Nhật Bản*, <https://www.tourchaua.net/van-hoa-am-thuc/tra-dao-trong-van-hoa-nhat-ban>.

(Bài đã đăng trong *Kỷ yếu: Nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017)